

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/DS-PT**

Ngày 25- 3 -2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng giao, nhận khoán
sử dụng đất trồng rừng nguyên liệu giấy"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương

Bà Lưu Hồ Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 01/2019/DS-PT, ngày 04/01/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng giao, nhận khoán sử dụng đất trồng rừng nguyên liệu giấy*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2018/DS-ST, ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐ-PT, ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn G, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc M, sinh năm 1959. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Công ty Lâm nghiệp T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân S- Phó Giám đốc phụ trách Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang H- Trưởng Phòng kế hoạch, kỹ thuật. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2 Y, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn G trình bày:

Vào ngày 10/3/2016 ông có ký hợp đồng giao, nhận khoán sử dụng đất trồng rừng nguyên liệu giấy với Công ty Lâm nghiệp T. Sau khi ký hợp đồng ông G tiến hành cuộc hồ trồng cây thì bị 7 hộ gia đình cùng thôn lên tranh chấp lô đất trên ông G đã báo cáo Công ty cùng với Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân huyện H về việc bị 7 hộ gia đình lấn, chiếm đất. Qua quá trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân xã không thành, Công ty Lâm nghiệp T đã khởi kiện 7 hộ dân lên Tòa án nhân dân huyện H, nhưng sau đó Công ty đã rút đơn khởi kiện và đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông G để ký hợp đồng với 7 hộ dân đã lấn chiếm đất. Ông G cho rằng việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng và vi phạm nội dung của Hợp đồng vì vậy ông yêu cầu Công ty Lâm nghiệp T phải bồi thường cho ông tổng giá trị thiệt hại là 37.440.000 đồng (Ba bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Đại diện bị đơn Công ty Lâm nghiệp T trình bày:

Ngày 10/3/2016 Công ty Lâm nghiệp T đã ký hợp đồng giao, nhận khoán sử dụng đất trồng rừng nguyên liệu giấy số 03 với ông Hoàng Văn G, trú tại Thôn C, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Thửa đất được ký hợp đồng giao khoán trồng rừng là khoảnh 58, lô số 4, diện tích 1,5ha. Tuy nhiên sau khi ký hợp đồng và khai thác xong chu kỳ trồng rừng trước ông G đã không quản lý tốt diện tích đất nêu trên dẫn đến tình trạng người dân xung quanh lấn chiếm đất để trồng keo. Sau khi ký hợp đồng được hơn 1 năm nhưng ông G đã không thực hiện hợp đồng đã ký. Ngày 28/9/2017 Công ty đã mời ông G đến để thanh lý dứt điểm Hợp đồng, tính toán các chi phí mà Công ty cũng như ông G đã đầu tư, nhưng ông G đã không nhất trí và bỏ về. Công ty cho rằng ông Hoàng Văn G đã vi phạm Điều 3 và mục 3.4 Điều 6 của Hợp đồng số 03 do đó Công ty đã chấm dứt Hợp đồng với ông G. Công ty xác định phía công ty cũng đã thiệt hại tiền chi phí phân bón đầu tư khoảng 12.000.000 đồng, còn phía ông G chỉ mới thực hiện việc cuộc hồ trồng cây. Công ty không nhất trí theo yêu cầu của ông G đòi bồi thường số tiền là 37.440.000 đồng mà Công ty chỉ nhất trí hỗ trợ chi trả cho ông G tiền công cuộc hồ theo hợp đồng đã ký là $2.060.826 \text{ đồng} / 1\text{ha} \times 1,5\text{ha} = 3.091.239 \text{ đồng}$.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện H xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 51/2018/DS-ST, ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

Quyết định:

Áp dụng:

- Các điều 26, 35, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự
- Các Điều 116, 504 của Bộ luật Dân sự

- Khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn G.

Ghi nhận phần tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thanh toán chi phí nhân công trồng rừng của Công ty Lâm nghiệp T đối với ông Hoàng Văn G. Công ty Lâm nghiệp T có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn G số tiền là 3.091.239 đồng (*Ba triệu không trăm chín mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng*).

Không chấp nhận phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Hoàng Văn G số tiền 34.348.761 đồng (*Ba mươi tư triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn G, đơn kháng cáo có nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H. Công ty Lâm nghiệp T đơn phương chấm dứt hợp đồng với tôi qua thông báo số 196/TB –CTLNTT ngày 11/10/2018 nội dung là không đúng, Tôi cùng Công ty Lâm nghiệp T đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết việc 07 hộ dân lấn chiếm đất, tuy nhiên Công ty lâm nghiệp lại rút đơn sau đó ký hợp đồng mới với 07 hộ dân lấn chiếm đất nói trên. Việc Công ty lâm nghiệp đơn phương chấm dứt hợp đồng với tôi là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Hoàng Văn G và người đại diện theo ủy quyền Hoàng Ngọc M trình bày: Ngày 21/3/2019 Công ty và tôi đã thỏa thuận với nhau, công ty trả cho chúng tôi số tiền 13.000.000đ, tôi nhất trí với thỏa thuận này, đề nghị Tòa án xem xét, và xin nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Công ty lâm nghiệp Tân Thành đề nghị: Ngày 21/3/2019 Công ty và ông Hoàng Văn G, Hoàng Ngọc M đã thỏa thuận với nhau công ty sẽ trả cho ông Minh 13.000.000đ, đề nghị HĐXX xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn G là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, thỏa thuận là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn G:

Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận: Chấm dứt hợp đồng giao khoán số 03/HĐKT giữa Công ty Lâm nghiệp T và ông Hoàng Văn G. Công ty Lâm nghiệp T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn G số tiền công trồng rừng theo hợp đồng số 03/HĐKT ngày 10/3/2016 là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*). HĐXX thấy việc thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do vậy cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty Lâm nghiệp T và ông Hoàng Văn G về án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 650.000đ.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn G phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 300; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 116, 422, 504, 512 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn G sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Chấm dứt hợp đồng giao khoán số 03/HĐKT ngày 10/3/2016 giữa Công ty Lâm nghiệp T và ông Hoàng Văn G.

Công ty Lâm nghiệp T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn G số tiền công trồng rừng theo hợp đồng số 03/HĐKT ngày 10/3/2016 là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty Lâm nghiệp T và ông Hoàng Văn G về án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 650.000đ (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 936.000đ (*Chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) tại biên lai số

0003944 ngày 17/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, trả lại cho ông Hoàng Văn G số tiền còn lại là 286.000đ (*Hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn G phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0006241 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông Hoàng Văn G đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/3/2019).

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Ma Ngọc Trung